TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 808/2017/DS-ST
Ngày: 26/12/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Kim Thủy
2. Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Vinh – Thư ký Toà án nhân dân quận Gò Vấp
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 11 năm 2017 (và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2017/QĐHPT-ST ngày 05 tháng 12 năm 2017) giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VNTV; Trụ sở: phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; Văn bản ủy quyền số 181/2017/UQTT – QTRR.17 ngày 05/9/2017

Bị đơn: Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1961; Địa chỉ: phường 5, quận Gò Vấp, TPHCM

(Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bà S vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/4/2017 của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP VNTV và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 28/7/2014 bà Đỗ Thị S có ký hợp đồng tín dụng số 20140804 – 500001 - 0065 với Ngân hàng TMCP VNTV để vay số tiền 26.250.000 đồng với lãi suất 5%/ tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà S có nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi là 45.644.000 đồng trong thời hạn 24 tháng. Trong 23 tháng đầu mỗi

tháng thanh toán số tiền 1.903.000 đồng. Tháng cuối cùng thanh toán 1.875.000 đồng. Bắt đầu thanh toán là ngày 12/9/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà S thanh toán được 08 kỳ với số tiền là 15.413.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 5.827.746 đồng. Lãi là 9.585.254 đồng. Kể từ ngày 20/7/2015 thì ngưng trả cho đến nay.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử buộc bà S có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ còn lại là 20.611.254 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Về lãi chậm trả sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì nguyên đơn đề nghị tính theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Đỗ Thị S mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tống đạt thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như nêu trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền 20.611.254 đồng, trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bà Đỗ Thị S có vay của Ngân hàng TMCP VNTV số tiền 26.250.000 đồng để tiêu dùng cá nhân nên xác định giữa bà S và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Do bà S không thanh toán nợ đúng hạn nên Ngân hàng khởi kiện bà S tại nơi bà S cư trú, điều này phù hợp quy định

tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là bà Đỗ Thị S; Tòa án đã yêu cầu Công an địa phương cung cấp tài liệu chứng cứ về tình trạng cư trú của bà S. Kết quả xác minh thể hiện: "Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1961, có đăng ký thường trú tại phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng hiện không thực tế cư trú tại địa chỉ trên, chuyển đi đâu không rõ và không rõ thời gian chuyển đi". Điều này cho thấy người khởi kiện đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của người bị kiện nhưng người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú. Thể hiện mục đích che dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ của bị đơn.

Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên bị đơn đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp". Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai và biên bản ghi nhận ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140804 – 500001 – 0065 ngày 28/7/2014 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để khẳng định: Nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 26.250.000 đồng với lãi suất 5%/ tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi là 45.644.000 đồng trong thời hạn 24 tháng. Trong 23 tháng đầu mỗi tháng thanh toán số tiền 1.903.000 đồng. Tháng cuối cùng thanh toán 1.875.000 đồng. Bắt đầu thanh toán là ngày 12/9/2014. Bị đơn đã thanh toán được 08 kỳ với số tiền là 15.413.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 5.827.746 đồng. Lãi là 9.585.254 đồng. Kể từ ngày 20/7/2015 thì ngưng trả cho đến nay. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số nợ còn lại là 20.611.254 đồng. Yêu cầu này của nguyên đơn được các bên thỏa thuận

trong hợp đồng và phù hợp với quy định tại các Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số nợ trên cho nguyên đơn, thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn còn phải trả lãi trong trường hợp chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP VNTV do bà Nguyễn Thị T làm đại diện đối với bị đơn là bà Đỗ Thị S.

Buộc bà Đỗ Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền 20.611.254 đồng (hai mươi triệu, sáu trăm mười một ngàn, hai trăm năm mươi bốn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.030.562 đồng (một triệu, ba mươi ngàn, năm trăm sáu mươi hai đồng).

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng TMCP VNTV là 515.282 đồng (năm trăm mười lăm ngàn, hai trăm tám mươi hai đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0018427 ngày 09/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị